

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TIỀN TRƯỞNG HOÀNG MINH

GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số:60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Hiệp

Phản biện 1: TS. Lê Bảo

Phản biện 2: PGS. TS. Lê Quốc Hội

Luận văn này được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đà Nẵng vào ngày 21 tháng 7 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vấn đề đói nghèo là một vấn đề xã hội mang tính toàn cầu. Thế giới đã lấy ngày 17 tháng 10 hàng năm là “*Ngày Thế giới xóa đói, giảm nghèo*”. Đối với Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, xoá đói giảm nghèo là một trọng trách lớn của toàn Đảng, toàn dân. Nghèo đói đang là một thách thức lớn đối với sự phát triển và trở thành mối quan tâm chung, vấn đề cấp bách phải giải quyết của toàn xã hội. Tỉnh Trà Vinh hiện nay còn nhiều khó khăn về kinh tế và xã hội, công tác giảm nghèo trong thời gian qua tuy đã đạt được những thành công nhất định nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Huyện Châu Thành là một huyện thuộc tỉnh Trà Vinh với điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn. Đã có nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà Nước về vấn đề giảm nghèo. Song, việc triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo của huyện đến các xã, các vùng khó khăn vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập và thiếu đồng bộ. Do đó, cần có nhiều nghiên cứu khoa học hơn để đánh giá, phân tích thực trạng nghèo. Từ đó, đề ra những giải pháp giảm nghèo và cách thức triển khai thực hiện công cuộc giảm nghèo trên địa bàn huyện đạt hiệu quả. Xuất phát từ tính cấp thiết đó, tác giả đã chọn nghiên cứu đề tài: “*Giải pháp giảm nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh*” làm đề tài nghiên cứu thực hiện luận văn thạc sĩ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

+ Mục tiêu chung

Tìm hiểu nguyên nhân đói nghèo ở huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Từ đó, đề xuất giải pháp cụ thể và thiết thực để giảm nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành.

+ **Mục tiêu cụ thể**

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về giảm nghèo.

- Phân tích, đánh giá thực trạng và kết quả giảm nghèo trên địa bàn Huyện Châu Thành.

- Đánh giá các giải pháp giảm nghèo đã thực hiện trên địa bàn huyện Châu Thành.

- Đề xuất các giải pháp và các chính sách giảm nghèo phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù của huyện.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: đề tài tập trung nghiên cứu về thực trạng nghèo, nguyên nhân gây nghèo và công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: Đề tài nghiên cứu được tiến hành trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

+ Về thời gian: Đề tài nghiên cứu thực trạng giảm nghèo trên địa bàn Huyện Châu Thành giai đoạn 2008 – 2013 và quá trình nghiên cứu được thực hiện từ 8/2013 đến tháng 05/2014.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích tài liệu.

- Phương pháp xử lý số liệu.

- Phương pháp quan sát.

- Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác như: phương pháp so sánh, phương pháp đồ thị và phương pháp thống kê.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Phân tích thực trạng nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Phân tích làm rõ những nguyên nhân dẫn đến nghèo tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đánh giá công tác giảm nghèo và rút ra kinh nghiệm từ thực tế công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành.

- Đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

6. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, mục lục, các bảng biểu, hình và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về các giải pháp giảm nghèo

Chương 2: Thực trạng nghèo và công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Chương 3: Giải pháp giảm nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

7. Tổng quan tài liệu

Tham khảo một số đề tài, bài viết nghiên cứu về giảm nghèo.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÁC GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIẢM NGHÈO

1.1.1. Quan niệm về nghèo

a) *Quan niệm về nghèo trên thế giới*

Tại hội nghị về chống nghèo ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức tháng 9 - 1993 tại Bangkok, các quốc gia trong khu vực đã thống nhất cho rằng: *“Nghèo đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được XH thừa nhận, tùy theo trình độ phát triển KT - XH và phong tục tập quán của từng địa phương”*.

b) *Quan niệm về nghèo ở Việt Nam*

Nghèo: là tình trạng một bộ phận dân cư chỉ có điều kiện thỏa mãn một phần nhu cầu tối thiểu cơ bản của cuộc sống và có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng.

1.1.2. Quan niệm về chuẩn nghèo

a) *Tiêu chí xác định chuẩn nghèo của thế giới*

- Chuẩn nghèo dựa vào thu nhập hay chi tiêu
- Tiêu chí xác định chuẩn nghèo của UNDP
- Tiêu chí xác định chuẩn nghèo của WB

b) *Tiêu chí xác định hộ nghèo ở Việt Nam qua các giai đoạn*

* **Giai đoạn 1993 – 1995**

* **Giai đoạn 1995 – 1997**

* **Giai đoạn 1997 – 2000**

* **Giai đoạn 2001 – 2005**

* **Giai đoạn 2006 – 2010**

*** Giai đoạn từ năm 2011 đến nay**

1.1.3. Các phương pháp xác định chuẩn nghèo

a) Phương pháp xác định chuẩn nghèo dựa vào nhu cầu chi tiêu

Phương pháp này xác định các hộ nghèo dựa trên chi phí cho một giỏ tiêu dùng bao gồm lương thực và phi lương thực, trong đó chi tiêu cho lương thực phải đảm bảo 2.100 calo/người/ngày.

b) Phương pháp xác định chuẩn nghèo dựa vào so sánh với thu nhập bình quân đầu người của các hộ gia đình

Đây là phương pháp xác định hộ nghèo dựa trên tiêu chuẩn về một mức thu nhập tối thiểu đảm bảo cho họ có cuộc sống tối thiểu.

c) Phương pháp xếp loại của địa phương

d) Phương pháp vẽ bản đồ nghèo đói

1.1.4. Khái niệm giảm nghèo

Giảm nghèo là làm cho bộ phận dân cư nghèo nâng cao mức sống, từng bước thoát khỏi tình trạng nghèo. Biểu hiện ở tỷ lệ % và số lượng người nghèo giảm. Nói một cách khác, giảm nghèo là quá trình chuyển bộ phận dân cư nghèo lên một mức sống cao hơn.

1.1.5. Sự cần thiết của vấn đề giảm nghèo

a) Tác động về kinh tế

Nghèo đói đi liền với lạc hậu, chậm phát triển. Giảm nghèo là tiền đề của phát triển kinh tế - xã hội. Ngược lại, sự phát triển kinh tế - xã hội vững chắc gắn với công bằng xã hội là nhân tố đảm bảo thành công trong công tác giảm nghèo.

b) Tác động về xã hội

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường như nước ta hiện nay thì công tác xóa đói giảm nghèo là yếu tố cơ bản để đảm bảo an ninh chính trị, công bằng xã hội và phát triển kinh tế bền vững.

c) Tác động về văn hoá

Đói nghèo là một trong những nguy cơ tiềm ẩn kéo theo các vấn đề văn hoá xã hội, nó ăn sâu vào tiềm thức của từng hộ gia đình, từng người trong cuộc sống sinh hoạt văn hoá.

1.2. GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO

1.2.1. Tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập

a) Tín dụng đối với người nghèo

Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo; Đưa vốn ưu đãi đến người nghèo thông qua Ngân hàng chính sách xã hội, tận dụng vốn vay cho người nghèo từ các dự án.

b) Phát triển cơ sở hạ tầng

Đẩy mạnh xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội để giảm nghèo.

c) Chính sách Khuyến nông – Khuyến lâm – Khuyến ngư cho hộ nghèo

Tạo điều kiện cho người nghèo tham gia tập huấn các chương trình khuyến nông – khuyến ngư và xây dựng các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp.

d) Đào tạo nghề và tạo việc làm

Đào tạo nghề cho lao động theo nhu cầu học nghề của người lao động và yêu cầu của thị trường lao động, gắn đào tạo nghề với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và mỗi địa phương.

1.2.2. Tạo điều kiện cho người nghèo cải thiện điều kiện sống và tiếp cận các dịch vụ xã hội

a) Hỗ trợ về giáo dục, văn hóa

Tăng mức hỗ trợ về chính sách giáo dục cho người nghèo để đảm bảo cho thế hệ con cháu của họ đủ điều kiện được đi học.

b) Hỗ trợ về y tế

Thực hiện việc cấp thẻ BHYT cho hộ nghèo. Đồng thời thực hiện đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, tăng kinh phí hỗ trợ y tế để phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh của người nghèo.

c) Hỗ trợ về nhà ở, điện, nước sinh hoạt

Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của Trung Ương, của tỉnh và của địa phương về nhà ở, điện nước sinh hoạt cho hộ nghèo.

d) Chính sách trợ giúp pháp lý

Giúp người nghèo có những hiểu biết phổ thông về luật pháp và những chính sách có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người nghèo.

1.3. TIÊU CHÍ PHẢN ẢNH GIẢM NGHÈO

- Tăng số hộ thoát nghèo.
- Thu nhập bình quân của hộ nghèo tăng.
- Giảm tỷ lệ hộ tái nghèo.

1.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO

1.4.1. Nhân tố thuộc về điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý không thuận lợi, những nơi xa xôi, hẻo lánh giao thông đi lại khó khăn. Đất canh tác ít, đất cằn cỗi, khó canh tác, năng suất cây trồng, vật nuôi đều thấp. Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, hay gặp thiên tai như: hạn hán, lũ lụt, mưa bão, nạn cát bay, cát lấp vv...

1.4.2. Nhân tố về điều kiện kinh tế - xã hội

a) Nhân tố về điều kiện kinh tế

Ảnh hưởng không thuận lợi của các nhân tố thuộc về kinh tế đối với XĐGN bao gồm: Quy mô nền kinh tế nhỏ, cơ cấu kinh tế lạc

hậu, thu nhập của dân cư thấp, khả năng huy động nguồn lực vật chất cho XDGN khó khăn, thị trường bó hẹp...

b) Nhân tố về điều kiện xã hội

Những nhân tố xã hội tác động đến nghèo đói và hoạt động xóa đói giảm nghèo bao gồm: Dân số và lao động, trình độ dân trí, đầu tư cho giáo dục, chăm sóc sức khỏe, phong tục và tập quán.

1.4.3. Nhân tố về cơ chế chính sách

Việc ban hành một số chính sách, cơ chế của Nhà nước và địa phương tác động khá lớn đến vấn đề giảm nghèo. Thiết lập cơ chế quản lý đúng đắn tạo điều kiện cho công tác giảm nghèo có hiệu quả cao nhất.

1.4.4. Nhân tố về công tác tổ chức thực hiện

Việc tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo không đồng đều ở một số địa phương. Đội ngũ cán bộ vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về năng lực. Việc theo dõi, giám sát chương trình chưa có hệ thống và đồng bộ. Công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá chương trình chủ yếu dựa trên các báo cáo với lượng thông tin chưa đầy đủ.

1.4.5. Nhân tố về ý chí vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo

- Bản thân người nghèo không tự nâng cao trình độ dân trí.
- Tư tưởng lạc hậu trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày.

1.5. KINH NGHIỆM GIẢM NGHÈO Ở MỘT SỐ TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

1.5.1. Kinh nghiệm giảm nghèo với phát triển kinh tế ở tỉnh Hậu Giang

1.5.2. Kinh nghiệm giảm nghèo với phát triển kinh tế ở tỉnh Bến Tre

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG NGHÈO VÀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

2.1. ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÌNH TRẠNG NGHÈO VÀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý

Huyện Châu Thành là huyện vùng ven của tỉnh Trà Vinh, nằm bao quanh thành phố Trà Vinh, có diện tích tự nhiên là 33.485ha, chiếm 15,67% diện tích đất của tỉnh và là huyện có diện tích lớn thứ 3 trong tỉnh.

b) Địa hình

Châu Thành có địa hình đặc thù, đó là địa hình đồng bằng ven biển với những giồng cát chạy dài. Nhìn chung, địa hình tương đối thấp và bằng phẳng.

c) Khí hậu, thủy văn

Huyện Châu Thành nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa ven biển, có 2 mùa mưa, nắng rõ rệt trong năm. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

d) Mạng lưới sông rạch

Sông Cổ Chiên, sông Láng Thè - Ba Si, sông Song Lộc, sông Bãi Vàng, sông Giồng Lức, kênh Thống Nhất.

e) Tài nguyên thiên nhiên

* **Tài nguyên đất:** Đất nông nghiệp : 26.110,56 ha, đất phi nông nghiệp 7.373,61 ha, đất giồng cát: 1.340 ha (chiếm 3.84% diện

tích), đất phù sa: 16.430 ha (chiếm 47,11% diện tích đất), đất phèn: 10.381 ha

*** Tài nguyên rừng:**

*** Tài nguyên biển:**

*** Tài nguyên nước:**

2.1.2. Đặc điểm về kinh tế

a) Tình hình về tăng trưởng kinh tế

Kinh tế huyện tăng trưởng và phát triển ổn định, giá trị tổng sản phẩm bình quân hàng năm tăng 13,98%.

b) Tình hình về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế có bước chuyển biến theo hướng tích cực giảm dần tỷ trọng sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản, tăng tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ.

c) Tình hình về cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Trong thời gian qua Huyện Châu Thành đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 198 hạng mục công trình giao thông, xe ô tô đã đến được trung tâm 13/14 xã, thị trấn. Kết cấu hạ tầng trung tâm của huyện được đầu tư, chỉnh trang, đô thị trung tâm huyện đang được đổi mới và dần phát triển.

2.1.3. Đặc điểm về xã hội

a) Tình hình dân số

Tốc độ tăng dân số tự nhiên trên địa bàn Huyện tương đối ổn định và ở mức thấp với tốc độ gia tăng dân số tự nhiên trung bình là 0,32%/năm.

b) Tình hình lao động

Nguồn lao động dồi dào, lao động trong độ tuổi chiếm 92.886 người phần lớn là lao động nông nghiệp, lao động phổ thông có trình độ tay nghề còn thấp.

c) Tình hình giáo dục

Chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên.

d) Tình hình y tế

Hệ thống y tế tiếp tục được củng cố và phát triển. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế đang được đầu tư phát triển.

2.2. THỰC TRẠNG NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH TRONG THỜI GIAN QUA

2.2.1. Biến động về tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh trong thời gian qua

Bảng 2.9: Biến động về tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành giai đoạn 2008 – 2013

	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng số hộ chung	32.52	33.735	34.59	35.82	37.059	37.49
Tổng số hộ nghèo	7.06	7.760	9.301	8.339	7.006	6.227
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	21,70	23,003	26,89	23,28	18,90	16,61
Tỷ lệ hộ nghèo giảm so với năm trước (%)	3,03	1,303	3,887	3,61	4,38	2,29

(Nguồn: Phòng lao động – thương binh và xã hội huyện Châu Thành)

Nhìn chung, qua các chính sách giảm nghèo của huyện Châu Thành đã có những kết quả tích cực. Số hộ nghèo giảm qua các năm, vào năm 2007 số hộ nghèo là 7.707 chiếm 24,73% thì đến năm 2013 số hộ nghèo đã giảm còn 6.227 hộ chiếm 16,61%.

Bảng 2.10. Biến động tỷ lệ hộ nghèo ở các xã – Thị trấn trên
địa bàn huyện Châu Thành giai đoạn 2008 – 2013

Đơn vị tính: %

Năm Xã – Thị trấn	Tỷ lệ hộ nghèo từ năm 2008 – 2013					
	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Thị trấn Châu Thành	7,82	4,88	8,11	4,32	3,80	3,47
Xã Đa Lộc	30,42	29,65	37,25	34,74	25,92	21,34
Xã Thanh Mỹ	18,16	19,96	25,67	18,31	15,43	11,06
Xã Mỹ Chánh	28,28	26,10	31,45	29,72	26,10	22,86
Xã Song Lộc	18,54	20,37	30,70	26,89	24,37	23,14
Xã Nguyệt Hóa	18,90	18,41	18,93	15,22	13,75	11,88
Xã Lương Hòa	24,34	27,70	34,04	30,17	25,75	22,64
Xã Lương Hòa A	26,79	26,89	31,29	23,36	17,49	14,16
Xã Hòa Thuận	9,54	13,47	16,57	14,27	12,24	9,4
Xã Hòa Lợi	32,77	37,47	36,06	32,53	28,37	26,32
Xã Hưng Mỹ	18,29	17,04	10,87	7,16	5,10	4,55
Xã Phước Hào	16,95	21,67	28,25	27,20	20,11	15,55
Xã Long Hòa	19,97	21,83	25,76	25,10	18,70	16
Xã Hòa Minh	25,21	25,87	25,65	20,15	14,10	8,95

(Nguồn: Phòng lao động – thương binh và xã hội huyện Châu Thành)

2.2.2. Nguyên nhân dẫn đến nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh trong thời gian qua

a) Nguyên nhân liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

- Nguyên nhân về điều kiện tự nhiên: Đất canh tác ít, đất canh cỗi ít màu mỡ, canh tác khó dẫn đến năng suất thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người dân. Vị trí địa lý ở vùng sâu, vùng xa hẻo lánh các cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư xây dựng hoặc có nhưng chất lượng kém ảnh hưởng đến cuộc sống của người nghèo.

- Nguyên nhân về kinh tế: Kinh tế của huyện Châu Thành còn kém phát triển, chưa thu hút được nhiều công ty, doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn huyện. Do đó, chưa thu hút và giải quyết được việc làm cho người lao động trong đó có lao động nằm trong các hộ nghèo.

- Nguyên nhân về xã hội: cơ sở hạ tầng, trình độ dân trí, các cơ sở vật chất khác còn nhiều hạn chế, gây cản trở cho việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất ở nông thôn, ở các xã có đông đồng bào dân tộc Khmer vẫn còn tồn tại nhiều phong tục, tập quán lạc hậu cả trong sản xuất và trong cuộc sống gây khó khăn, cản trở cho công tác giảm nghèo. Các vấn đề y tế, giáo dục phát triển chưa đạt yêu cầu, các tệ nạn xã hội có xu hướng gia tăng.

b) Nguyên nhân do bản thân người nghèo

- Trình độ học vấn thấp.
- Không có việc làm hoặc việc làm không ổn định.
- Quy mô hộ lớn, tỷ lệ phụ thuộc cao.
- Thiếu vốn hoặc thiếu phương tiện sản xuất.
- Ốm yếu, bệnh tật.

2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH TRONG THỜI GIAN TỪ NĂM 2005 – 2013

2.3.1. Các chính sách tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập

a) Tín dụng đối với người nghèo

Từ nguồn vốn chính sách ưu đãi Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Huyện trong giai đoạn từ năm 2005 – 2013 đã giải ngân cho vay được 723.773 triệu đồng cho 124.463 lượt hộ nghèo vay vốn. Cho vay vốn ưu đãi theo Quyết định số 167, Quyết định số 32, Quyết định số 74 với số tiền là 148.040 triệu đồng cho 19.511 lượt hộ nghèo vay vốn.

b) Phát triển cơ sở hạ tầng

Giai đoạn từ năm 2005 – 2010 Huyện Châu Thành đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã bãi ngang ven biển, huyện triển khai thực hiện 13 hạng mục công trình đường đaml và 01 hạng mục công trình cầu bê tông, vốn đầu tư 6.967 triệu đồng do ngân sách Trung Ương hỗ trợ. Giai đoạn từ năm 2011 – 2013 từ nguồn vốn Trung Ương phân bổ từ năm 2011 – 2013, Huyện đã triển khai đầu tư 7 hạng mục công trình, tổng mức đầu tư 8.906,10 triệu đồng.

c) Chính sách Khuyến nông – Khuyến lâm – Khuyến ngư cho hộ nghèo

Công tác ứng dụng khoa học, công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội được quan tâm chỉ đạo. Khuyến khích hỗ trợ nông dân đầu tư 25 máy gặt đập liên hợp, 27 lò sấy lúa. Thực hiện 39 điểm sản xuất mô hình trình diễn.

d) Đào tạo nghề và tạo việc làm

Thực hiện dự án dạy nghề của Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh, Huyện phối hợp Trường trung cấp nghề tỉnh Trà Vinh tổ chức 49 lớp dạy nghề ngắn hạn cho người nghèo. Thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn và từ các nguồn vốn của chương trình, dự án khác đã tổ chức được 100 lớp, có 4.198 lao động được đào tạo, tổng kinh phí 3.358,4 triệu đồng. Thông qua Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, vốn hỗ trợ của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, công tác tuyên truyền tư vấn giới thiệu việc làm của địa phương đã có 23.049 lao động đi làm việc trong, ngoài tỉnh, trong đó: có 12.707 lao động nữ, 8.140 lao động Khmer; giải quyết việc làm mới 10.053 lao động.

2.3.2. Các chính sách tạo điều kiện cho người nghèo cải thiện điều kiện sống và tiếp cận các dịch vụ xã hội

a) Hỗ trợ về giáo dục

Giai đoạn 2006 – 2013, huyện đã miễn giảm cho 13.288 lượt học sinh thuộc diện hộ nghèo với số tiền là 389.018 triệu đồng. Cho 3.997 lượt sinh viên, học sinh vay với số tiền là 52.921 triệu đồng.

Bảng 2.12: Cho vay đối với học sinh, sinh viên giai đoạn 2005 – 2013

Stt	Nội dung	Giai đoạn 2006-2010	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Số tiền	10.191	7.962	9.355	10.296	15.117
2	Số người được vay	1.133	589	639	672	964

(Nguồn: Phòng lao động – thương binh và xã hội huyện Châu Thành)

Năm học 2011 – 2012 và năm học 2012 – 2013 đã hỗ trợ kinh phí học tập cho 37.775 học sinh, sinh viên với số tiền hỗ trợ là 23.532 triệu đồng, trong năm học 2012 – 2013 kinh phí thực hiện 11.939 triệu đồng. Thực hiện chính sách giáo dục miễn giảm học phí trực tiếp cho 12.658 em, số tiền là 1.514 triệu đồng.

b) Hỗ trợ về y tế

Giai đoạn 2011 – 2013, huyện đã hi đạo cấp 173.969 thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, tổng kinh phí 90.376 triệu đồng. Về cơ sở khám chữa bệnh, toàn huyện có 14 cơ sở khám chữa bệnh, ký hợp đồng khám chữa bệnh đã có 187.073 lượt người nghèo, người cận nghèo được khám chữa bệnh theo chính sách bảo hiểm y tế, số tiền 8.288 triệu đồng.

c) Hỗ trợ về nhà ở

Thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở, trong 8 năm qua huyện đã triển khai xây dựng 5.892 căn nhà ở cho hộ nghèo, tổng số vốn đầu tư là 54.095,04 triệu đồng.

Vận động cá nhân, tổ chức chính trị - xã hội trong và ngoài Huyện tham gia đóng góp xây dựng 154 nhà đại đoàn kết, nhà tình thương, tổng trị giá 1.540 triệu đồng.

d) Chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt, tiền điện cho hộ nghèo

Giai đoạn 2006 – 2013, huyện được tỉnh phân bổ vốn đầu tư 7 trạm cấp nước tập trung và hỗ trợ cấp nước sinh hoạt phân tán, cấp lu xi măng 1.143 cái cho 1.588 hộ Khmer nghèo hưởng lợi và đầu tư 27 giếng nước bơm tay – sàn nước. Thực hiện các chính sách hỗ trợ của Chính Phủ, huyện thực hiện chi trả cho 75.174 lượt hộ nghèo, với số tiền hỗ trợ 6.765 triệu đồng.

e) Chính sách trợ giúp pháp lý

Tổ chức tuyên truyền pháp luật được 5.452 cuộc, có 211.253 lượt người tham dự.

2.3.3. Công tác tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo

a) Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác truyền thông việc làm và giảm nghèo

Giai đoạn 2006 – 2013, huyện đã phối hợp với Sở lao động – thương binh và xã hội tỉnh Trà Vinh tổ chức 22 lớp tập huấn nâng cao năng lực làm công tác giảm nghèo – giải quyết việc làm ở các xã – thị trấn có 594 lượt cán bộ tham dự, ấp – khóm có 270 lượt người tham dự.

b) Triển khai dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo

Giai đoạn 2006 – 2010, dự án nuôi bò sinh sản xã chương trình 135: từ nguồn vốn Trung Ương đầu tư cho 59 lượt hộ nghèo dân tộc Khmer các xã đặc biệt khó khăn vay nuôi bò sinh sản.

c) Thực hiện chính sách dân tộc có liên quan đến công tác giảm nghèo

Giai đoạn 2011 – 2013, huyện đã thực hiện các chính sách hỗ trợ châu Chính phủ. Kết quả đã hỗ trợ cho 7.191 lượt hộ với 46.409 nhân khẩu, mức hỗ trợ. Thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước đã cấp 45 tấn lúa giống cho 872 hộ cận nghèo, giải ngân vốn ngân sách Trung Ương 7.726 triệu đồng, hỗ trợ cho 2.294 hộ và 216 lao động.

2.3.4. Thực hiện chương trình 135

Trong giai đoạn 2006 – 2013, huyện đã triển khai đầu tư 07 mô hình mua máy gặt đập liên hợp, nuôi tôm càng xanh và chăn nuôi gia súc gia cầm; xây dựng 41 hạng mục công trình cầu, đường giao thông nông thôn và phòng học; tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở, triển khai dự án mô hình có hiệu quả.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

2.4.1. Những thành công và hạn chế trong công tác giảm nghèo

a) Những thành công

Trung ương, tỉnh ban hành các chủ trương, chính sách hỗ trợ cho người nghèo kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Trong quá trình thực hiện kế hoạch đều có thành lập Ban chỉ đạo để thực hiện và kiểm tra, giám sát. Trong quá trình bình xét hộ nghèo luôn thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ.

b) Những hạn chế

- Còn hạn chế, thiếu sót trong cấp thẻ bảo hiểm y tế và hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo.

- Cấp xã – thị trấn đề ra kế hoạch giảm nghèo chưa cụ thể, không phân công cá nhân, đoàn thể trực tiếp giúp đỡ hộ nghèo, một số nơi có phân công nhưng chưa hiệu quả.

2.4.2. Nguyên nhân của thành công và hạn chế

a) Nguyên nhân của thành công

Có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà Nước; cơ chế chính sách ban hành đồng bộ, kịp thời.

b) Nguyên nhân của hạn chế

Năng lực điều hành, quản lý và sử dụng các nguồn vốn của một số xã chưa đáp ứng yêu cầu. Trình độ năng lực của cán bộ làm công tác giảm nghèo còn hạn chế.

2.4.3. Bài học rút ra từ thực tiễn trong công tác giảm nghèo tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

3.1.1. Những quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà Nước về công tác giảm nghèo

Đảng ta qua các thời kỳ đã xác định mục tiêu xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ xuyên suốt và có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của đất nước.

3.1.2. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

a. Định hướng phát triển

b. Mục tiêu phát triển

- Về kinh tế: đẩy mạnh sản xuất, phân đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định.

- Về xã hội: giải quyết cơ bản yêu cầu việc làm cho người lao động, thực hiện chính sách giảm nghèo đạt hiệu quả.

3.1.3. Mục tiêu giảm nghèo của huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

a) Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội cơ bản một cách bình đẳng để họ tự lực vượt qua đói nghèo.

b) Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2011 – 2015

Phân đấu giảm hộ nghèo với tỷ lệ 3%/năm so với hộ dân cư toàn huyện. Trong đó, xã nghèo giảm 4%/ năm, các xã còn lại giảm 3%/năm.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

3.2.1. Nhóm giải pháp tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập

a) Chính sách tín dụng đối với người nghèo

Tạo điều kiện cho người nghèo trên địa bàn Huyện được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi. Đổi mới các cơ chế cho vay, hướng chủ yếu vào cho vay trung hạn, dài hạn để đầu tư phát triển theo các dự án, nhất là các dự án chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

b) Phát triển cơ sở hạ tầng

Tăng đầu tư vào hệ thống đường xá, giao thông, thủy lợi mà đặc biệt là hệ thống thủy lợi. Đối với huyện mà nền kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào kinh tế nông nghiệp thì vấn đề giao thông và thủy lợi là lĩnh vực cần được tỉnh và huyện ưu tiên đầu tư phát triển.

c) Chính sách Khuyến nông – Khuyến lâm – Khuyến ngư cho hộ nghèo

Tiếp tục củng cố hệ thống khuyến nông cơ sở. Tập huấn khuyến nông – Khuyến lâm – Khuyến ngư, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người nghèo, hỗ trợ các điều kiện sản xuất, cây, con giống.

d) Đào tạo nghề và tạo việc làm

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh, ưu tiên dạy nghề cho lao động thuộc hộ nghèo. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân mở cơ sở dạy nghề, đa dạng hóa hệ thống cơ sở dạy nghề. Gắn dạy nghề với tạo việc làm đối với lao động nghèo.

3.2.2. Nhóm giải pháp tạo điều kiện cho người nghèo cải thiện điều kiện sống và tiếp cận các dịch vụ xã hội

a) Chính sách hỗ trợ về giáo dục, văn hóa

Thực hiện tốt các chính sách về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh và chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục.

b) Chính sách hỗ trợ về y tế

Thực hiện tốt chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo. Tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở khám bệnh. Huy động nguồn nhân lực tư nhân vào phát triển y tế.

c) Chính sách hỗ trợ về nhà ở, điện, nước sinh hoạt

Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ về nhà ở, điện nước sinh hoạt cho hộ nghèo. Thường xuyên kiểm tra, rà soát quá trình triển khai thực hiện để chính sách đạt hiệu quả thiết thực.

d) Chính sách trợ giúp pháp lý

Nâng cao chất lượng hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, cung cấp các dịch vụ pháp lý miễn phí cho người nghèo.

e) Bảo trợ xã hội đối với người nghèo

Thường xuyên rà soát và hỗ trợ đúng đối tượng hộ nghèo có đối tượng được hưởng bảo trợ xã hội.

3.2.3. Nhóm giải pháp về nâng cao công tác tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo

a) Nâng cao trình độ cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo

Hoàn thiện tổ chức bộ máy thực hiện công tác giảm nghèo. Phối hợp tổ chức mở các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ giảm nghèo và đưa đi đào tạo cán bộ làm công tác giảm nghèo.

b) Tăng cường phân cấp quản lý, giám sát và đánh giá công tác giảm nghèo

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác giảm nghèo tại cơ sở, làm tốt công tác quản lý dữ liệu hộ nghèo, cận nghèo và rà soát hộ nghèo hằng năm. Hình thành phương thức kiểm tra, giám sát chặt chẽ chi tiêu tài chính và các hoạt động trong thực hiện công tác giảm nghèo.

c) Nhân rộng các mô hình giảm nghèo

Tăng cường triển khai, nhân rộng mô hình điểm giảm nghèo có hiệu quả. Tổ chức sơ, tổng kết các mô hình điểm để nhân rộng.

d) Thực hiện chính sách dân tộc có liên quan đến công tác giảm nghèo

Tạo cơ hội bình đẳng để đồng bào dân tộc tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ dịch vụ, phúc lợi xã hội. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội các xã có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng ở các vùng này.

e) Xã hội hóa công tác xóa giảm nghèo

Quan tâm đẩy mạnh các phong trào vận động nhân dân, tạo điều kiện để mọi người tham gia công tác giảm nghèo, theo phương châm xã hội hóa công tác giảm nghèo có sự hỗ trợ của Nhà nước.

f) Nâng cao ý thức vươn lên thoát nghèo của bản thân người nghèo

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người nghèo về nghĩa vụ thoát nghèo. Tạo sự chủ động từ phía người nghèo: để họ tìm nguyên nhân và giải pháp - xác định họ có cái gì - cần hỗ trợ đến đâu - họ làm như thế nào.

KẾT LUẬN

Đối với tỉnh Trà Vinh, công cuộc giảm nghèo là một trong những mục tiêu hàng đầu của Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành và toàn thể người dân trong tỉnh. Đối với huyện Châu Thành, công tác giảm nghèo trong những năm qua đã được lãnh đạo Huyện ủy, Ủy ban nhân dân Huyện hết sức quan tâm và chỉ đạo quyết liệt.

Nhìn chung, trong những năm qua số hộ nghèo trong tỉnh và huyện đã giảm mạnh. Song, trên thực tế công cuộc giảm nghèo vẫn còn nhiều thử thách. Tình trạng nghèo ở huyện Châu Thành vẫn còn ở mức cao so với các huyện khác trong tỉnh. Nguy cơ tái nghèo vẫn còn tiềm ẩn do tác động của kinh tế thị trường, do đầu tư phát triển kinh tế giữa các vùng chưa đồng đều, do nguy cơ về lạm phát, do cơ hội tìm việc làm của người nghèo ngày càng khó khăn hơn do đổi mới về công nghệ trong sản xuất hoặc yêu cầu về trình độ của người lao động ngày càng cao. Tái nghèo vẫn luôn rình rập một bộ phận khá lớn hộ vừa thoát nghèo. Chỉ cần gặp thiên tai, dịch bệnh, đau ốm hoặc mất việc làm các hộ nghèo sẽ có khả năng lại rơi vào tình trạng tái nghèo.

Bên cạnh đó, huyện vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong công cuộc giảm nghèo như:

- Các dự án phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình giảm nghèo còn hạn hẹp, thời gian thực hiện ngắn, một số chương trình mới chỉ thực hiện ở một số xã điểm, nguồn vốn đầu tư còn hạn chế nên công tác xóa đói giảm nghèo chưa tập trung còn dàn trải.

- Các hộ nghèo có tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, chưa thực sự cố gắng tự lực vươn lên thoát nghèo.

- Một số cán bộ làm công tác giảm nghèo năng lực còn hạn chế, thiếu tâm huyết chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Đề tài luận văn “Giải pháp giảm nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh” được nghiên cứu nhằm góp phần đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong công cuộc giảm nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành. Trong quá trình nghiên cứu, thực hiện đề tài, tác giả đã đạt được kết quả như sau:

- Xây dựng được cơ sở lý luận phục vụ cho nghiên cứu giảm nghèo.

- Nêu ra thực trạng nghèo, nguyên nhân gây nghèo và thực trạng triển khai các chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh trong thời gian qua.

- Phân tích công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đề ra được những giải pháp giảm nghèo trên địa bàn Huyện Châu Thành.

Không thể phủ nhận thành quả trong công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành trong những năm qua đã đạt được những kết quả tích cực. Nhưng như vậy vẫn còn chưa đủ. Cần có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ của các cấp, các ngành và có sự điều phối, phân cấp thống nhất từ trên xuống để công cuộc giảm nghèo ở huyện Châu Thành ngày càng hiệu quả và bền vững.